

Số: 187/2024/QĐST-KDTM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 115/2024/TLST-KDTM ngày 10/6/2024 về “*Tranh chấp giữa các thành viên công ty*”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Minh D, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số C Lô U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH K

Địa chỉ: Số F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Đại diện theo pháp luật: bà Trương Thị C1 chỉ: Số F, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Vũ Minh D1 bà Trương Thị C2 nhất:

Xác định bà Trương Thị C3 nợ ông Vũ M D1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền chuyên nhượng vốn góp (45% vốn điều lệ Công ty TNHH K

Ông D2 yêu cầu tính tiền lãi, tiền phạt chậm trả trên số tiền chuyên nhượng vốn góp còn thiếu chưa thanh toán là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Ông D2 yêu cầu báo cáo thanh lý tài sản và yêu cầu chia thêm tiền thu được từ thanh lý tài sản.

2.2 Bà C4 toán số tiền thỏa thuận chuyên nhượng 45% phần vốn góp còn lại là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), bằng cách:

Ngày 30/8/2024, thanh toán 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);

Ngày 30/9/2024, thanh toán 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);

Ngày 31/10/2024, thanh toán 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Bà C5 quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có chức năng làm thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật luật đề ông D2 còn là thành viên công ty. Ông D3 trách nhiệm hỗ trợ bà C6 hiện các thủ tục pháp lý, hồ sơ giấy tờ liên quan.

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Vũ Minh D cho đến khi thi hành án xong, bà Trương Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

2.4. Về án phí: bà C7 chịu là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng.

Hại ông D4 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.884.000 (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004054 ngày 03/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Bích Thảo

